

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC CỦA NGƯỜI THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở CHÂU THỔ BẮC BỘ HIỆN NAY

Tóm tắt: Trong nghiên cứu này, thông qua kết quả điều tra bằng định lượng kết hợp với quan sát tham dự tại các bản hội, đền phủ có thực hành nghi lễ hầu đồng trên địa bàn ba tỉnh: Hà Nội, Nam Định và Thái Bình, tác giả tập trung mô tả một số đặc điểm nhân khẩu học để có cái nhìn khái quát về thực trạng người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu. Bảng hỏi dành cho các khách thể là người thường xuyên thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng châu thổ Bắc Bộ hiện nay (đối tượng được phỏng vấn là thanh đồng đã ra trình đồng từ ba năm trở lên và các đồng thầy đang thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tại cả điện công và điện tư gia. Đề tài khảo sát ở một số địa phương tại Hà Nội, Nam Định và Thái Bình với tổng số 450 phiếu, mỗi tỉnh 150 phiếu, mẫu khảo sát được chọn ngẫu nhiên. Các kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS để đảm bảo tính khách quan.

Từ khóa: Người thực hành tín ngưỡng; thực trạng; đặc điểm; thờ Mẫu.

Dẫn nhập

Đạo Mẫu là một loại hình tín ngưỡng dân gian bản địa ở Việt Nam tồn tại không bị ràng buộc bởi các thuyết thần học, đạo đức hay một định chế tổ chức nghiêm ngặt. Tín ngưỡng này không có

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 05/10/2020; Ngày biên tập: 12/10/2020; Duyệt đăng: 22/10/2020.

kinh sách điển quy, không có một đội ngũ tín đồ chuyên nghiệp và một kiến trúc thượng tầng chặt chẽ¹.

Nhưng cho đến nay, việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu vẫn đang phát triển mạnh mẽ và lan tỏa trong đời sống tâm linh của người Việt. Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt thì việc tôn thờ Mẫu (Mẹ) là một hiện tượng khá phổ biến trong đời sống văn hóa, nó được bắt nguồn từ lịch sử hình thành tộc người và gắn liền với nền văn minh lúa nước.

Thực trạng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng châu thổ Bắc Bộ hiện nay luôn là một chủ đề nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu về lĩnh vực tín ngưỡng này. Trước đây, các nhà nghiên cứu chủ yếu nghiên cứu về các nghi lễ thực hành, về khăn áo, về các giá hầu, các ông đồng bà đồng, ... Có thể tìm hiểu ở một số công trình nghiên cứu của các tác giả như Nguyễn Thị Hiền (2010) với những nghiên cứu xem nghi lễ lên đồng trong Đạo Mẫu là những phương pháp chữa trị “bệnh âm”, một thứ bệnh mà người ta phải đặt nó vào trong lĩnh vực văn hóa và tôn giáo mới hiểu được². Ở một khía cạnh khác, tác giả Vũ Thị Tú Anh (2016) cho rằng, Đạo Mẫu đã biểu tượng hóa quyền lực đặc trưng của người phụ nữ Việt Nam trong thực tại và như nó vốn có trong truyền thống đến thế kỷ 16. Hay nói cách khác, Đạo Mẫu đã trao quyền lực và cách thức sử dụng quyền lực cho người phụ nữ, một thứ quyền lực mới, quyền lực tinh thần, mà tác giả gọi là quyền lực mềm³. Tác giả Nguyễn Ngọc Mai (2017) tập trung nghiên cứu các nghi lễ đối với đời sống văn hóa cá nhân của các tín đồ trước và sau khi thực hành hầu đồng, trong đó, tác giả xem lên đồng là sự nhập hồn của nhiều thần linh, lên đồng là một hiện tượng của tâm lý học tôn giáo và lên đồng là một hiện tượng tà giáo, ngoài ra tác giả còn chỉ ra tác động của yếu tố kinh tế - xã hội hiện nay đến hiện tượng lên đồng hầu bóng nói chung⁴. Gần đây có công trình của tác giả Mai Thị Hạnh (2016) nghiên cứu về vai trò của bản hội trong mối liên kết xã hội, trong đó cũng chỉ ra một số lợi ích kinh tế liên quan đến đồng thầy, các thành viên trong bản hội có

liên kết hỗ trợ nhau trong làm ăn kinh tế cũng như trong thực hành nghi lễ⁵.

Cùng sự quan tâm với các công trình nêu trên, trong nghiên cứu này, tác giả đi sâu nghiên cứu về tâm lý của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu (thanh đồng). Bằng phương pháp điều tra định lượng, đề tài đã thu được kết quả về thực trạng người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu và tìm hiểu được một số đặc điểm nhân khẩu học qua kết quả điều tra định lượng như: độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, địa bàn cư trú, nghề nghiệp; đặc điểm cá nhân, gia đình; nhu cầu, mục đích khi thực hành nghi lễ.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu” thay cho khái niệm “tín đồ thờ Mẫu” để phù hợp hơn với nội dung nghiên cứu. Dù không đề ra mục tiêu bàn về khái niệm tín đồ nhưng chúng tôi vẫn cung cấp một số khái niệm về tín đồ để người đọc được rõ hơn. Một cách khái quát, có thể hiểu, “tín đồ là người theo một tôn giáo”⁶. Ở định nghĩa này, tín đồ được hiểu theo nghĩa rộng, không có sự phân biệt giữa tín đồ chính thức với những người có cảm tính, hoặc có xu hướng tâm linh về một tôn giáo mà chưa phải là tín đồ chính thức. Theo tác giả Đặng Nghiêm Vạn: “Dù hình thức tổ chức có khác nhau, một người theo một tôn giáo đạ đạo hay nhật đạo, thậm chí khô đạo, mức độ đánh giá cơ bản vẫn là dựa theo niềm tin (hay tín ngưỡng), niềm tin của chính bản thân người theo, cho dù là tín đồ hay chỉ là quần chúng...”⁷. Khái niệm *tín đồ* được quy định tại Khoản 6, Điều 2, *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016)* (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) như sau: “Tín đồ là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận”. Tại Khoản 8, Điều 3, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2004, tín đồ* được hiểu như sau: “Tín đồ là người tin theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo thừa nhận”. Đây là định nghĩa được giới nghiên cứu đánh giá toàn diện hơn cả, vì bao quát được số lượng tín đồ mà một số tôn giáo thừa nhận trong thực tiễn. Còn theo *Từ điển Tôn giáo (2002)*: “Tín đồ là những ai tin ở những gì một tôn

giáo dạy bảo và qua một thủ tục nhập đạo”⁸. Định nghĩa này coi tín đồ là người có niềm tin vào tôn giáo và đã qua thủ tục gia nhập tôn giáo đó, nhưng hiểu như vậy thì không bao quát được hết tất cả các tín đồ của các tôn giáo đang diễn ra trong thực tế vì ngoài tín đồ chính thức còn có tín đồ chưa chính thức. Và điều này từ trước đến nay đã gây ra nhiều tranh luận trong các cuộc điều tra số lượng tín đồ tôn giáo ở Việt Nam.

Như vậy, có thể hiểu một tín đồ phải có những điểm sau:

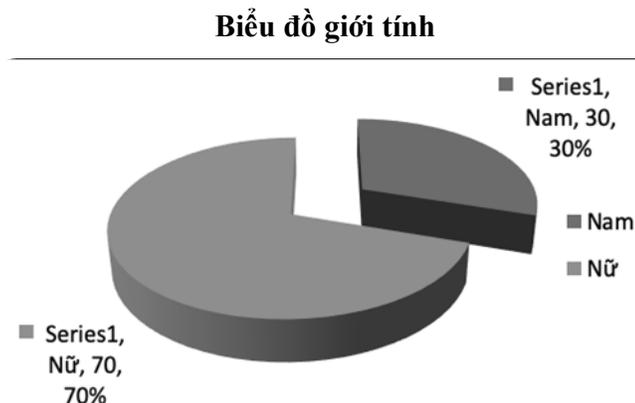
Thứ nhất, phải là người có đời sống tôn giáo, tức là có niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo trong đời sống của mình, bao gồm cả nhà tu hành và người sống đời bình thường;

Thứ hai, những người đó phải được tổ chức tôn giáo thừa nhận, điều này có nghĩa có những người chưa chính thức trở thành tín đồ nhưng đã có cảm tình và có nếp sống hướng về tâm linh của tôn giáo đó, được tôn giáo đó chấp nhận thì vẫn được gọi là tín đồ; ngược lại nếu tôn giáo đó chưa thừa nhận thì vẫn chưa gọi là tín đồ. Khó khăn nhất vẫn là việc xác định cái gì minh chứng cho sự thừa nhận của tổ chức tôn giáo với những tín đồ chưa chính thức hay đó là sự cảm nhận trực giác của mỗi cá nhân, tổ chức.

1. Thực trạng của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay

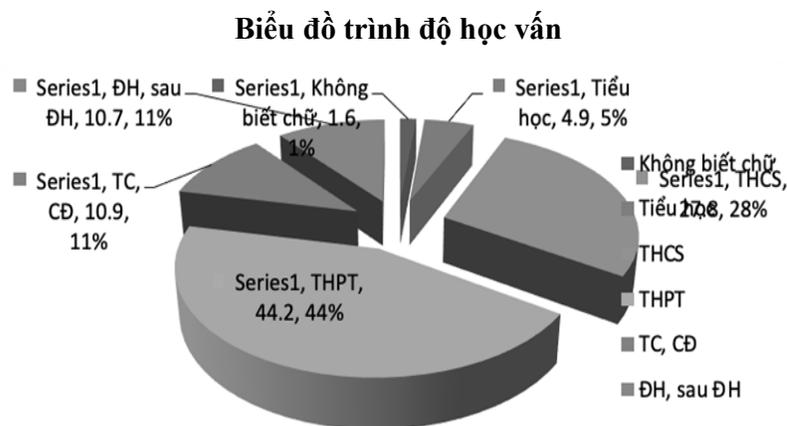
Nghiên cứu này đã tiến hành điều tra định lượng với 450 phiếu, tại ba tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định và Thái Bình. Tại mỗi nơi, đề tài tiến hành khảo sát 150 bảng hỏi. Trong số mẫu tham gia khảo sát thì tỷ lệ nam giới trả lời chiếm 30% người và nữ giới chiếm 70% người trả lời. Tỷ lệ này nói lên rằng, hiện nay người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là nam giới tham gia ít hơn so với nữ giới. Và qua quan sát thực tế, tác giả cũng nhận thấy điều này là hoàn toàn hợp lý, nó cũng phản ánh rằng, nữ giới tham gia vào thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu đông là do ảnh hưởng từ các bà các mẹ, được cảm nhận trong không gian thiêng của các nghi lễ thờ Mẫu thông qua các lễ hội. Tuy nhiên, bên cạnh đó thì tỷ lệ nam giới là đông thầy lại nhiều hơn nữ giới.

Dưới đây là biểu đồ giới tính của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay:



Về dân tộc, do khảo sát được tiến hành tại ba tỉnh, thành phố đều thuộc khu vực châu thổ Bắc Bộ là 100% nên số lượng người tham gia khảo sát đều là người dân tộc Kinh.

Các yếu tố trình độ học vấn được thể hiện dưới biểu đồ sau:



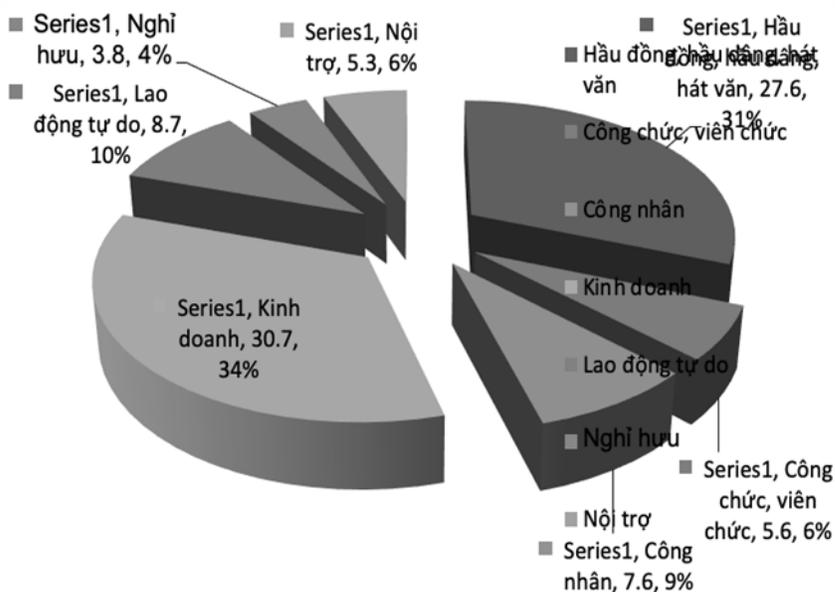
Ở bậc học trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất với số người trả lời là 44,2%, với 27,8% người được hỏi cho biết họ có trình độ trung học cơ sở. Ở bậc trung cấp và Cao đẳng với 11% số người được hỏi có trình độ ở bậc học này và với 11% số người được hỏi

có trình độ đại học và trên đại học. Chiếm tỷ lệ thấp với 5% người trả lời cho biết họ chỉ học hết bậc tiểu học và số người trả lời không biết chữ chỉ chiếm 1,6%.

Như vậy, có thể nói, hiện nay mặt bằng chung của đa số các thanh đồng đều có trình độ học vấn cao, nhóm học vấn thấp và không biết chữ chiếm tỷ lệ rất thấp. Dựa vào kết quả này tác giả nhận thấy rằng: người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay trình độ học vấn đã được nâng lên rõ rệt, dẫn đến niềm tin của họ sẽ ngày càng được xác quyết hơn.

Nghề nghiệp của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu được phân bố trong những nhóm nghề dưới đây:

Biểu đồ công việc



Trong số những người tham gia trả lời khảo sát, người kinh doanh buôn bán chiếm tỷ lệ cao nhất, với 30,7%. Như vậy, các thanh đồng làm công việc kinh doanh buôn bán chiếm tỷ lệ cao, trong cộng đồng tín đồ Đạo Mẫu thì mục đích cầu xin có “đồng ngân đồng xuyên” hay làm ăn được “xuôi chèo mát mái” được đặt

lên hàng đầu và họ tin rằng chỉ có các thánh Mẫu mới phù giúp cho họ đạt được những mong ước đó⁹. Có thể nói, những điều quan trọng nhất mà người thực hành nghi lễ thờ Mẫu luôn hướng tới đó là được phù hộ, độ trì cho công việc kinh doanh buôn bán được “đắc tài sai lộc”.

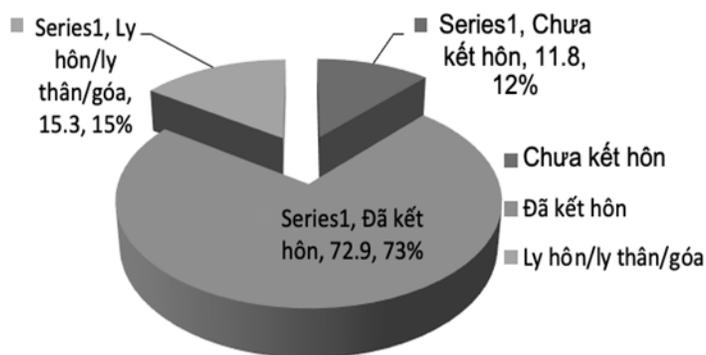
Về những người trực tiếp thực hành nghi lễ thờ Mẫu như hầu đồng, hầu dâng, cung văn thì nhóm này ở vị trí thứ hai, với 27,6% số người tham gia phỏng vấn, chỉ đứng sau những người hoạt động kinh doanh buôn bán. Nhóm người này cho biết công việc chính của mình liên quan trực tiếp đến các hoạt động thực hành nghi lễ của tín ngưỡng thờ Mẫu như hầu đồng, hầu dâng hoặc hát văn. Những người theo công việc này cũng được coi là những tín đồ có *căn quả* với công việc của Mẫu.

Bên cạnh đó, những tín đồ có công việc chính là làm nông nghiệp: làm ruộng, trồng trọt hoặc chăn nuôi chiếm tỷ lệ 11%. Như vậy có thể thấy rằng, việc làm nông nghiệp trong nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay rất ít, hoặc họ có thể đã chuyển đổi sinh kế để phù hợp hơn với việc thực hành nghi lễ. Ngoài ra, những người tham gia trả lời phỏng vấn còn có công việc thuộc các lĩnh vực khác: Nhóm lao động tự do với 8,7%, là những người có thu nhập không ổn định; họ tìm đến nương tựa vào thánh Mẫu để cầu mong có công việc ổn định, kinh tế bớt khó khăn. Nhóm công nhân với 7,6%, tương đồng với nhóm lao động tự do. Nhóm này tuy có công việc nhưng thu nhập không cao, “làm đâu hết đó, ráo mồ hôi hết tiền”, nên họ cũng hướng đến niềm tin vào Mẫu mong cầu có một nơi nương tựa và được ban phát những điều tốt lành. Nhóm công chức, viên chức chiếm 5,6%, điều này cho thấy mức độ thừa nhận của xã hội đối với thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu đã dần tăng lên. Giờ đây một bộ phận người làm việc trong bộ máy của nhà nước đã có thể công khai bày tỏ niềm tin vào thánh Mẫu, họ được tự do thực hành nghi lễ của mình mà không còn e dè, hay lo sợ bị kỳ thị khi mà trước đây vấn đề này vẫn bị coi là mê tín dị đoan. Còn với nhóm nội trợ với số người trả lời chiếm 5,3% có thể thấy

rằng, nhóm người này cũng là một nhóm yếu thế trong xã hội. Những người này thuộc nhóm dễ bị tổn thương do công việc hằng ngày chỉ quanh quẩn với không gian gia đình, ít có điều kiện giao tiếp xã hội; nên họ mong muốn được tham gia thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu để có thể bày tỏ niềm tin vào thánh Mẫu, được giao lưu với bạn bè cùng bản hội, được chia sẻ niềm vui, nỗi buồn.

Từ đây, chúng tôi cũng rút ra một nhận xét rằng, dù làm việc trong bất kỳ lĩnh vực nào, thì những người có đức tin vào Thánh Mẫu luôn một lòng hướng đến Ngài, mong mỏi được thực hành nghi lễ để tỏ lòng thành kính với Thánh Mẫu mỗi ngày. Đó cũng là đặc trưng của nhóm những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng châu thổ Bắc Bộ nói riêng và những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu trong cả nước nói chung.

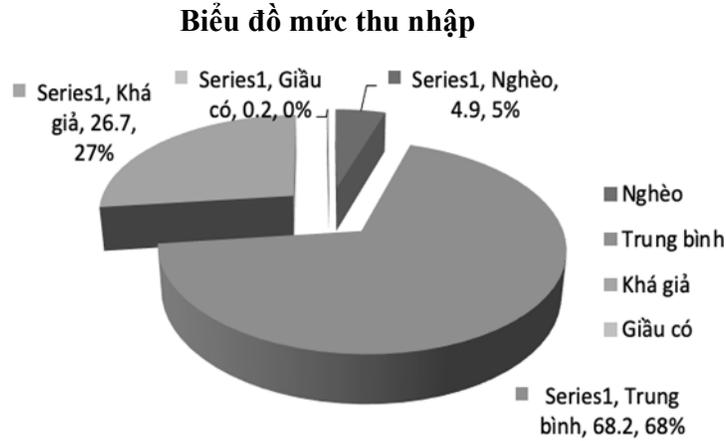
Biểu đồ tình trạng hôn nhân



Về tình trạng hôn nhân, với 73% số người được hỏi cho biết họ trong nhóm đã kết hôn, và 15% số người được hỏi cho biết mình đang trong tình trạng ly hôn/ly thân/góa, điều này có thể lý giải rằng: Người thực hành tín ngưỡng thờ mẫu cũng phản ánh một phần nào đó liên quan đến “căn quả”, số người được cho là bị *bệnh âm* dẫn đến tình trạng hôn nhân đổ vỡ cũng tương đối cao: do hoàn cảnh trong gia đình, đặc biệt là người chồng/vợ không có sự cảm thông, thấu hiểu, dẫn đến bất hòa và chia tay nhau. Ngoài ra, tỷ lệ

người được hỏi chưa kết hôn chiếm 12%, ở đây theo số liệu cũng như quan sát thực địa của tác giả thì tỷ lệ này phản ánh thực trạng nhóm này rơi vào độ tuổi tương đối trẻ. Họ ra đời sớm xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Có căn quả, truyền thống gia đình... Có thể nói, kết quả khảo sát của đề tài về yếu tố hôn nhân là tương đối chính xác.

Với thực trạng thu nhập của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu được thể hiện dưới biểu đồ sau:



Khi được hỏi về mức sống của gia đình hiện nay, thì chỉ có duy nhất một người tự nhận mình có mức sống giàu có, chiếm 0,2%, điều này cũng đặt ra câu hỏi rằng, liệu trong nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu không ai có mức sống giàu có, hoặc họ cố tình giấu đi thông tin thật. Theo quan sát thực tế của chúng tôi, một số thầy đồng ở điện công và điện tư có mức sống sung túc (cũng có thể gọi là giàu có). Những người trả lời có mức sống khá giả chiếm tỷ lệ là 27% số người được khảo sát. Những người tự xếp vào nhóm đủ ăn, có mức sống trung bình lại chiếm tỷ lệ cao nhất với 68,2%, ở tỷ lệ này chúng tôi hoàn toàn tán thành vì mức sống hiện nay cơ bản đã được nâng cao. Có thể nhận thấy rằng, hiện nay về cơ bản mức sống của người dân ở khu vực châu thổ Bắc Bộ đã được nâng cao.

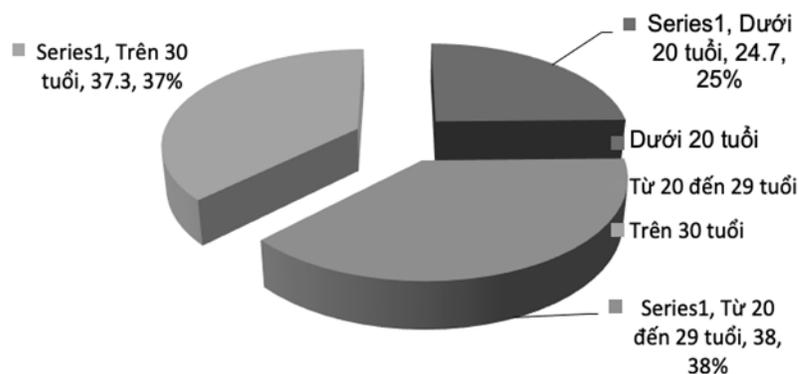
2. Độ tuổi và số năm ra trình đồng của những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu

Số năm và độ tuổi khi ra trình đồng được thể hiện dưới bảng sau:

	Tuổi	Số năm ra trình đồng	Tuổi khi trình đồng
Mean (số trung bình)	45.39	18.15	27.24
Median (số trung vị)	42.00	16.00	25.00
Mode (số yếu vị)	30	20	30
Minimum (số tối thiểu)	19	0	5
Maximum (số tối đa)	88	70	63

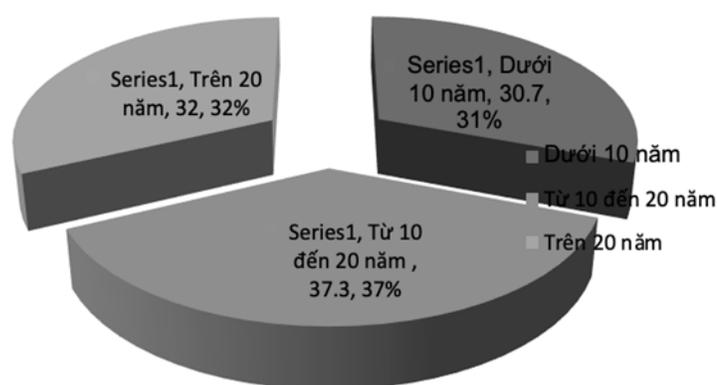
Kết quả khảo sát cho thấy độ tuổi trung bình của người tham gia khảo sát là 45.4 tuổi. Trong đó 18,7% có độ tuổi từ 30 trở xuống và 34,4% số người tham gia khảo sát trên 50 tuổi. Tỷ lệ cao nhất là 46,9% số người tham gia khảo sát có độ tuổi từ 31-55 tuổi. Người nhiều tuổi nhất tham gia khảo sát là 88 tuổi và người ít tuổi nhất tham gia khảo sát là 19 tuổi.

Biểu đồ phân bố độ tuổi của tín đồ khi ra trình đồng



Kết quả khảo sát cho thấy, về độ tuổi ra trình đồng: với 50% số người tham gia khảo sát cho biết họ ra trình đồng trước 25 tuổi và 50% số người ra trình đồng sau năm 25 tuổi. Bên cạnh đó, với độ tuổi trung bình khi ra trình đồng của những người tham gia khảo sát là 27,2 tuổi. Nhìn chung, có thể thấy độ tuổi ra trình đồng của nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay trẻ. Những người ra trình đồng ở độ tuổi dưới 30 tuổi chiếm đến 62,7%. Trong đó, có những người ra trình đồng từ khi chưa đủ 20 tuổi chiếm 24,7%. Những người cho biết bản thân ra trình đồng trong độ tuổi từ 20-29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất, với 38,0%. Bên cạnh đó, thì số người ra trình đồng từ 30 tuổi trở lên chiếm 37,3% .

Biểu đồ số năm ra trình đồng



Với số trung bình bằng 18,15 cho thấy số năm ra trình đồng của người tham thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là 18,15 năm. Với trung vị bằng 16 chứng tỏ một nửa số người tham gia khảo sát có số năm ra trình đồng dưới 16 năm và một nửa trong số những người tham gia khảo sát có số năm ra trình đồng trên 16 năm. Cụ thể, với 37,3% người trả lời cho biết số năm ra trình đồng của mình từ 10-20 năm, với 32% số người trả lời cho biết năm trình đồng của mình là trên 20 năm, và nhóm ra trình đồng dưới 10 năm chiếm 30,7%.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, trong số những người tham gia khảo sát ở cả ba tỉnh thành thì 100% đều tham gia vào bản hội. Bản hội ít người nhất chỉ có 10 người, trong khi đó bản hội nhiều nhất có đến 500 người. Trung bình, mỗi bản hội có khoảng 50 -100 người. Tuy nhiên, có một điểm đáng lưu ý ở đây là: *mọi người tham gia vào bản hội, nhưng lại không để ý nhiều đến số lượng người tham dự trong bản hội*. Trong số những người tham gia trả lời, số người biết được số lượng người đang tham gia vào bản hội của mình chiếm 32%. Trong khi đó, có đến khoảng 2/3 số người còn lại không biết hoặc không quan tâm đến số lượng người hiện đang tham gia cùng bản hội với mình. Điều này cho thấy một người tham gia vào một bản hội nào đó không phụ thuộc vào việc bản hội đó có đông con nhang đệ tử hay không.

Kết luận

Trên đây là toàn bộ kết quả khảo sát thực trạng cơ cấu *Người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng châu thổ Bắc Bộ hiện nay*, kết quả thu được cũng giúp chúng ta nhìn nhận ra bức tranh những người tham gia thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu họ đang phân bố như thế nào trong xã hội: Giới, tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn..., từ đó rút ra được những khuyến nghị giúp cơ quan quản lý nhà nước có thể có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện nay, tránh tình trạng lợi dụng việc UNESCO ghi danh *Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Dựa vào sự ghi danh này, không ít các đền phủ đã tổ chức rầm rộ những nghi lễ hầu đồng, chạy đua danh hiệu (nghệ danh, nghệ nhân)... Đây là một hiện tượng nhức nhối mà cơ quan quản lý nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ hơn.

Kết quả thu được giúp người đọc nắm rõ cơ cấu, số lượng người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, trong đó đáng lưu ý là tỷ lệ giới tính có sự chênh lệch khá cao, trình độ học vấn cũng cũng có sự nâng cao, còn lại nhóm ở trình độ thấp ít và chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với mặt bằng chung.

Về thực trạng việc làm và thu nhập hiện nay thì người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở lĩnh vực kinh doanh buôn bán luôn dẫn đầu, sau đến lĩnh vực thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng thờ Mẫu cũng chiếm số lượng rất cao vì, những người này luôn trực tiếp với những nghi lễ của thánh Mẫu. Họ là, những người có *căn quả* nặng nhất, họ phải ra trình đồng mở phủ, chăm lo đèn nhang phụng sự thánh Mẫu hằng ngày: “*Trên lo việc Thánh, dưới lo việc trần,*” “*Tứ tuần bát tiết*”... Bên cạnh đó, những người hầu dâng đi theo phục vụ các ông đồng, bà đồng cũng không thể thiếu khi thực hành nghi lễ hầu đồng. Họ luôn có mặt bên những giá đồng và được gọi là “*tay quỳnh, tay quế*” chăm lo khăn áo cho những thanh đồng mỗi khi hết một giá để chuyển giá khác, làm sao cho đúng khăn áo ứng với giá đó. Cũng có một số ít cung văn có *căn quả* với nhà thánh, một lòng phụng sự trong các giá hầu, chăm lo làm sao cho tiếng hát của mình lay động đến nhà thánh. Số lượng người ra trình đồng sớm hơn trước đây, nhóm ra trình đồng ở độ tuổi 20 khi chiếm 38%, và nhóm ra trình đồng ở độ tuổi từ 10-20 tuổi cũng chiếm số lượng đông nhất là 37,3%.

Về mức sống của các thanh đồng hiện nay thì đa số điều kiện thu nhập ổn định, đủ ăn, đảm bảo cuộc sống. Do vậy, có thể đánh giá các hoạt động kinh tế và mức thu nhập của nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu thay đổi rất lớn so với trước đổi mới.

Trên đây là toàn bộ kết quả mô tả về nhân khẩu học của nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tại khu vực châu thổ Bắc Bộ trong nghiên cứu định lượng của chúng tôi tại 3 tỉnh/thành phố: Hà Nội, Nam Định, Thái Bình với 450 phiếu khảo sát bằng bảng hỏi. Có thể nói, đây là một trong những mô tả nhân khẩu học đầu tiên đối với nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở châu thổ Bắc Bộ hiện nay. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Vũ Thị Tú Anh (2016), *Quyền Lực mềm của người phụ nữ trong văn hóa Đạo Mẫu*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 13.
- 2 Nguyễn Thị Hiền (2010), “Bệnh âm: chuẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt” trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 39.
- 3 Vũ Thị Tú Anh (2016), *Quyền lực mềm của người phụ nữ trong văn hóa Đạo Mẫu*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 41.
- 4 Nguyễn Ngọc Mai (2018), *Nghi lễ lên đồng - Lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, tr. 177.
- 5 Mai Thị Hạnh (2016), *Bản hội trong Đạo Mẫu: Tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, tr.62.
- 6 Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 1646.
- 7 Đặng Nghiêm Vạn (2003), “Bàn về tín đồ và tổ chức tôn giáo,” *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 20, tr. 18.
- 8 Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr. 633.
- 9 Mai Thị Hạnh (2016), *Bản hội trong Đạo Mẫu: Tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, tr. 62.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Tú Anh (2016), *Quyền lực mềm của người phụ nữ trong văn hóa Đạo Mẫu*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
3. Mai Thị Hạnh (2016), *Bản hội trong Đạo Mẫu: Tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học.
4. Nguyễn Thị Hiền (2010), “Bệnh âm: chẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt”, trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 37-51.
5. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng - Lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
6. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo*, Luật số: 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016.
7. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo*, Số 21/2004/PL-UBTVQH11, ngày 18 tháng 6.
8. Đặng Nghiêm Vạn (2003), “Bàn về tín đồ và tổ chức của một tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 14-20.
9. Nguyễn Như Ý (Chủ biên, 1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Abstract

**SOME DEMOGRAPHIC CHARACTERISTICS OF
PRACTITIONERS THE MOTHER GODDESSES WORSHIP IN
THE RED RIVER DELTA TODAY**

Do Duy Hung

Institute for Religious Studies, VASS

Based on the results of the quantitative survey combined with participant observation of the medium ritual at the congregations, the temples in three provinces such as Hanoi, Nam Định, and Thái Bình, the author describes some demographic characteristics in order to have an overview of the current situation of practitioners the Mother Goddesses worship. This research was conducted in the Red River delta, the interviewees were the mediums who have practiced for three years or more, and the master mediums who were practicing the Mother Goddesses worship in the public and private temples. This study was conducted with a total of 450 questionnaires, 150 questionnaires in each province. Survey samples were randomly selected. The survey results were handled by SPSS software to ensure objectivity.

Keywords: Practitioners; Reality; Characteristics; Mother Goddesses worship.